

Đường Nguyễn Văn Ngọc, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

Báo cáo tài chính năm 2011

Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Bảng cân đối kế toán

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Tuyên bố minh bạch báo cáo tài chính



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 25

Ông Nguyễn Văn Thuận
Ông Trần Hữu Minh
Ông Nguyễn Chí Cường
Ông Trần Quang Bình
Ông Nguyễn Văn Hùng

Chủ tịch
Phó Chủ tịch Giám đốc
Thành viên Phó Giám đốc
Thành viên
Thành viên

Ông Trần Thanh
Ông Nguyễn Chí Cường
Bà Nguyễn Thị Ngọc

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ông Trần Hữu Minh
Ông Nguyễn Chí Cường

Giám đốc
Phó Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập ngày 10 tháng 12 năm 1998 theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty hoạt động theo giấy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0301671386, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu ra công chúng số 61/UBCK-ĐKNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp cho Công ty (Mã chứng khoán: MCP).

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch vào ngày 28 tháng 12 năm 2006.

Văn phòng và nhà máy của Công ty được đặt tại 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm 2011, hoạt động chính của Công ty là in, tráng verni trên sắt, sản xuất gia công các loại bao bì bằng kim loại; kinh doanh các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ), các loại vật tư, hoá chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá; các hoạt động dịch vụ khác: dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu của Công ty.

2. Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch
Ông Trịnh Hữu Minh	Phó Chủ tịch/ Giám đốc
Ông Nguyễn Quý	Thành viên/ Phó Giám đốc
Ông Trần Giang Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Ánh Luyện	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Trần Thanh Tùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Chí Hiếu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hiếu	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Hữu Minh	Giám đốc
Ông Nguyễn Quý	Phó Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.


6. Công bố trách nhiệm của Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị 



TRỊNH HỮU MINH
Phó Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2012



Tel.: +84 8 22200237
Fax: +84 8 22200265
www.bdo.vn

Ho Chi Minh City Head Office
Indochina Park Tower, 2/F
4 Nguyen Dinh Chieu Street
District 1, Ho Chi Minh City
Vietnam

Số: 00149.HCM/42.11

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 27 tháng 3 năm 2012 từ trang 4 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



VŨ THỊ THỌ
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số Đ.0065/KTV
CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM

BÙI TUYẾT VÂN
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số Đ.0071/KTV

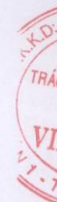
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		197.166.435.929	145.538.866.497
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	12.900.105.816	9.320.993.642
Tiền	111		3.900.105.816	9.320.993.642
Các khoản tương đương tiền	112		9.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		35.952.196.085	32.051.982.976
Phải thu khách hàng	131	5.2	36.038.013.280	31.572.221.707
Trả trước cho người bán	132	5.3	800.795.669	1.368.460.696
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		(126.663.221.871)	(611.401.471)
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	5.4	39.855.131	77.768.568
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	5.2	(926.467.995)	(966.467.995)
Hàng tồn kho	140	5.5	146.313.212.794	103.241.825.109
Hàng tồn kho	141		146.313.212.794	103.241.825.109
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.000.921.234	924.064.770
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	618.292.974	771.815.895
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.16	1.009.746.480	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.16	48.682.500	63.916.875
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	324.199.280	88.332.000
Tổng cộng Tài sản	174		386.093.387.053	274.676.576.217



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		107.886.951.124	82.551.709.780
Các khoản phải thu dài hạn	210			
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		106.139.717.181	81.371.721.580
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	106.139.717.181	79.339.699.529
Nguyên giá	222		235.722.938.238	196.747.171.506
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(129.583.221.057)	(117.407.471.977)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	-	2.032.022.051
Bất động sản đầu tư	240			
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		853.324.800	1.179.988.200
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258	5.10	1.972.000.000	1.972.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	5.10	(1.118.675.200)	(792.011.800)
Tài sản dài hạn khác	260		893.909.143	
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	550.966.143	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268	5.12	342.943.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		305.053.387.053	228.090.576.277

300
ÔN
I NH
BD
TN
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		135.079.548.503	97.757.254.753
Nợ ngắn hạn	310		112.219.241.861	72.041.433.847
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	60.623.349.533	32.485.895.325
Phải trả cho người bán	312	5.14	23.495.155.756	16.188.107.422
Người mua trả tiền trước	313	5.15	80.931.388	955.640.939
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.16	7.875.222.803	3.660.260.365
Phải trả công nhân viên	315	5.17	10.134.630.305	5.740.340.538
Chi phí phải trả	316	5.18	986.857.003	691.694.488
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.19	8.411.017.253	12.199.400.990
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	5.20	612.077.820	120.093.780
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		22.860.306.642	25.715.820.906
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	5.21	22.699.559.486	25.615.117.905
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	5.22	160.747.156	100.703.001
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		169.973.838.550	130.333.321.524
Vốn chủ sở hữu	410	5.23	169.973.838.550	130.333.321.524
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		103.395.200.000	81.976.420.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		24.080.701.449	24.080.701.449
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		(317.124.000)	(317.124.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		7.854.482.030	6.043.948.921
Quỹ dự phòng tài chính	418		4.935.545.979	4.011.999.475
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		30.025.033.092	14.537.375.679
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		305.053.387.053	228.090.576.277

48993
TY
HỮU HẠ
LM
CHI MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại	5.1	-	-
USD		202,99	15.129,84
SGD		0,34	0,34
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

VÕ NGỌC HUỖNH THƯ

Kế toán trưởng



TRỊNH HỮU MINH

Giám đốc

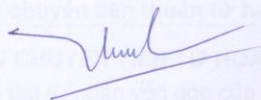
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		377.655.590.177	266.089.321.276
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.388.884.320	26.014.011
Doanh thu thuần	10	6.1	374.266.705.857	266.063.307.265
Giá vốn hàng bán	11	6.2	294.376.403.873	219.765.008.358
Lợi nhuận gộp	20		79.890.301.984	46.298.298.907
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.690.084.984	1.006.374.258
Chi phí tài chính	22	6.4	11.640.746.198	5.722.817.409
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		4.622.371.952	2.291.958.954
Chi phí bán hàng	24	6.5	10.568.345.471	7.558.766.303
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	11.590.406.261	9.911.868.918
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		47.780.889.038	24.111.220.535
Thu nhập khác	31	6.7	898.681.236	568.202.702
Chi phí khác	32	6.8	2.696.559.190	24.811.022
Lợi nhuận khác	40		(1.797.877.954)	543.391.680
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		45.983.011.084	24.654.612.215
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	11.494.961.992	6.183.682.136
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		34.488.049.092	18.470.930.079
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	3.656	2.258



VÕ NGỌC HUỖNH THƯ
 Kế toán trưởng



TRỊNH HỮU MINH
 Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2012

VÕ NGỌC HUỖNH THƯ
 Kế toán trưởng

TRỊNH HỮU MINH
 Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2012

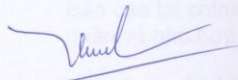
CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU


18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	45.983.011.084	24.654.612.215
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	12.419.688.605	13.548.514.136
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	286.663.400	167.942.675
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	2.462.358.668	1.688.378.996
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(919.034.973)	(1.017.656.257)
Chi phí lãi vay	06	4.622.371.952	2.291.958.954
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	64.855.058.736	41.333.750.719
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(5.090.552.116)	(4.469.915.611)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(43.071.387.685)	(35.366.957.235)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	4.947.644.295	2.586.469.830
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(397.443.222)	(362.771.318)
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.622.371.952)	(2.291.958.954)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.311.275.065)	(4.759.961.217)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	17.264.815.262
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.501.537.426)	(3.487.404.057)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.808.135.565	10.446.067.419
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(35.738.033.286)	(18.242.312.698)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	213.850.000	33.939.200
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	2.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	705.184.973	983.717.057
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(34.818.998.313)	(15.224.656.441)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	21.418.780.000	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	(123.000)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	175.063.643.301	65.301.130.068
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(152.280.569.772)	(66.397.053.444)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(13.611.975.200)	(10.728.268.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	30.589.878.329	(11.824.315.176)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	9.320.993.642	25.917.924.988
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	96.593	5.972.852
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	12.900.105.816	9.320.993.642


VÕ NGỌC HUỖNH THU
Kế toán trưởng


TRINH HỮU MINH
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Chờ năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần in và bao bì Mỹ Châu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập ngày 10 tháng 12 năm 1998 theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty hoạt động theo giấy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0301671386, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu ra công chúng số 61/UBCK-ĐKNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp cho Công ty (Mã chứng khoán: MCP).

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch vào ngày 28 tháng 12 năm 2006.

Văn phòng và nhà máy của Công ty được đặt tại 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- In, tráng verni trên sắt lá, sản xuất gia công các loại bao bì bằng kim loại;
- Kinh doanh các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ), các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá;
- Các hoạt động dịch vụ khác: mua bán các loại máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực in, tráng verni trên sắt lá; sản xuất các loại bao bì bằng kim loại và sản xuất các loại sắt lá;
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng kho tàng thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu của Công ty.

Trong năm 2011, hoạt động chính của Công ty là in, tráng verni trên sắt, sản xuất gia công các loại bao bì bằng kim loại; kinh doanh các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ), các loại vật tư, hoá chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá; các hoạt động dịch vụ khác: dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu của Công ty.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng số nhân viên của Công ty là 343 người, trong đó số nhân viên quản lý là 23 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 372 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng VND, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chứng từ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Khi cần thiết thì việc lập dự phòng được thực hiện cho hàng tồn kho bị giảm giá, lỗi thời, chậm luân chuyển và hư hỏng.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm chi phí bảo hiểm nhà xưởng, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này trong vòng 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí phụ tùng và chi phí nâng cấp nhà kho và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian từ 24 đến 36 tháng tương ứng.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 28 năm
Máy móc thiết bị	02 - 22 năm
Phương tiện vận tải	05 - 06 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

4.7 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

4.8 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm.

4.10 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

4.11 Quỹ lương

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên tài khóa năm 2010 – 2011 ngày 24 tháng 4 năm 2011, mức chi quỹ lương toàn Công ty trong năm 2011 là 10% doanh thu năm 2011.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm được tính bằng 25% lợi nhuận thu được.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt – VND	42.184.578	66.569.816
Tiền gửi ngân hàng – VND	3.853.645.537	8.959.386.433
Tiền gửi ngân hàng – USD	4.270.098	295.031.880
Tiền gửi ngân hàng – SGD	5.603	5.513
Tiền gửi kì hạn không quá 3 tháng – VND	9.000.000.000	-
	12.900.105.816	9.320.993.642

Chi tiết số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	Nguyên tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng – USD	202,99	4.270.098
Tiền gửi ngân hàng – SGD	0,34	5.603
		4.275.701

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, trong số dư tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số dư tiền gửi tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 1.872.191.816 VND và số dư tiền gửi này được thế chấp để đảm bảo khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.2 Các khoản phải thu thương mại

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu thương mại – bên thứ ba	36.038.013.280	31.572.221.707
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(926.467.995)	(966.467.995)
Giá trị thuần	35.111.545.285	30.605.753.712

Chi tiết khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm :

	Số dư dự phòng 01/01/2011 VND	Trích lập dự phòng trong năm VND	Hoàn nhập dự phòng trong năm VND	Số dư dự phòng 31/12/2011 VND
Công ty CBTP XK Kiên Giang	223.874.352	-	-	223.874.352
Xí nghiệp chế biến thực phẩm MEKO	411.723.100	-	(40.000.000)	371.723.100
Công ty TNHH Bao bì Samiguel Phú Thọ	330.870.543	-	-	330.870.543
	966.467.995	-	(40.000.000)	926.467.995

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Trả trước cho người bán – mua hàng hóa	800.795.669	60.171.196
Trả trước cho người bán – mua sắm tài sản	-	1.308.289.500
	800.795.669	1.368.460.696

5.4 Phải thu khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phải thu nhân viên	39.855.131	77.768.568
	39.855.131	77.768.568

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Hàng đang đi đường	12.796.237.927	8.321.288.430
Nguyên vật liệu tồn kho	117.641.149.246	86.067.894.023
Công cụ dụng cụ trong kho	144.527.803	123.570.273
Thành phẩm	9.021.622.800	5.303.103.315
Hàng hóa	6.709.675.018	3.425.969.068
Cộng giá gốc hàng tồn kho	146.313.212.794	103.241.825.109
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần	146.313.212.794	103.241.825.109

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công cụ dụng cụ	362.819.564	563.178.233
Phí bảo hiểm cháy nổ	173.510.485	154.592.662
Chi phí khác	81.962.925	54.045.000
	618.292.974	771.815.895

5.7 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tạm ứng	193.000.000	51.374.000
Ký quỹ mua gas	36.958.000	36.958.000
Ký quỹ mở thư tín dụng mua sắm tài sản cố định	94.241.280	-
	324.199.280	88.332.000

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư tại ngày 01/01/2011	9.455.016.205	183.016.756.880	3.508.164.650	499.802.028	267.431.743	196.747.171.506
Mua trong năm	-	527.490.160	590.909.091	85.363.638	-	1.203.762.889
Kết chuyển từ XDCB	-	38.015.943.368	-	-	-	38.015.943.368
Thanh lý	-	(33.179.890)	(180.980.635)	(29.779.000)	-	(243.939.525)
Số dư tại ngày 31/12/2011	9.455.016.205	221.527.010.518	3.918.093.106	555.386.666	267.431.743	235.722.938.238
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2011	8.511.657.103	105.675.727.943	2.503.661.733	448.993.455	267.431.743	117.407.471.977
Khấu hao trong năm	124.766.420	11.946.615.611	317.698.228	30.608.346	-	12.419.688.605
Thanh lý	-	(33.179.890)	(180.980.635)	(29.779.000)	-	(243.939.525)
Số dư 31/12/2011	8.636.423.523	117.589.163.664	2.640.379.326	449.822.801	267.431.743	129.583.221.057
Giá trị còn lại						
Ngày 01/01/2011	943.359.102	77.341.028.937	1.004.502.917	50.808.573	-	79.339.699.529
Ngày 31/12/2011	818.592.682	103.937.846.854	1.277.713.780	105.563.865	-	106.139.717.181
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	8.435.399.841	83.549.376.947	1.716.873.435	402.959.392	267.431.743	94.372.041.358
Giá trị còn lại của TS thế chấp cho các khoản vay	-	42.719.806.242	-	-	-	42.719.806.242

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2011	Tăng trong năm 2011	Kết chuyển tăng TSCĐ	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Máy liên hiệp tự động	2.013.194.400	10.389.866	(2.023.584.266)	-
Máy cắt sắt	18.827.651	1.131.465.944	(1.150.293.595)	-
Máy hàn thân lon	-	16.201.843.360	(16.201.843.360)	-
Máy thử độ kín lon	-	3.219.608.792	(3.219.608.792)	-
Máy làm nắp lon	-	2.899.252.232	(2.899.252.232)	-
Máy làm lon	-	10.166.536.124	(10.166.536.124)	-
Máy đóng gói theo pallet	-	2.354.824.999	(2.354.824.999)	-
	2.032.022.051	35.983.921.317	(38.015.943.368)	-

5.10 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Cổ phiếu Công ty CP Càng Rau quả (chiếm 0,79% vốn điều lệ của Công ty này)	1.972.000.000	1.972.000.000
Dự phòng giảm giá cổ phiếu	(1.118.675.200)	(792.011.800)
	853.324.800	1.179.988.200

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, số lượng cổ phiếu của Công ty CP Càng Rau quả mà Công ty nắm giữ là 66.666 cổ phần.

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí nâng nền nhà kho	323.387.348	-
Chi phí công cụ dụng cụ	227.578.795	-
	550.966.143	-

5.12 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ký quỹ thuê tài chính	342.943.000	-
	342.943.000	-

Khoản ký quỹ thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê số 2011-00040-000 giữa Công ty và Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư ký quỹ thuê tài chính tương đương 10% giá mua (dự kiến) của tài sản thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.13 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngắn hạn		
• Ngân hàng BIDV	(a) 20.485.621.525	18.008.771.625
• Ngân hàng HSBC	(b) 20.081.598.381	8.912.601.360
• Ngân hàng ANZ	(c) 6.727.694.784	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	(d) 13.328.434.843	5.564.522.340
	60.623.349.533	32.485.895.325

(a) Số dư khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - chi nhánh TP. Hồ Chí Minh bao gồm 200.000,00 USD tương đương 4.207.200.000 VND và 16.278.421.525 VND theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00310/2011/0000552 ngày 18 tháng 5 năm 2011, với hạn mức tín dụng là 40 tỷ VND để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, lãi suất vay hiện hành 7,0%/năm (vay bằng USD) và 16,5% - 17,5%/năm (vay bằng VND). Hình thức đảm bảo tiền vay là cầm cố các tài sản hình thành từ các khoản vay trung dài hạn và toàn bộ số dư tiền gửi tại Ngân hàng này.

(b) Số dư khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) bao gồm 872.302,00 USD tương đương 18.349.744.872 VND và 1.731.853.509 VND theo thư cung cấp tiện ích số VNM 110499 ngày 18 tháng 4 năm 2011 với hạn mức là 26.480.000.000 VND hoặc tương đương bằng USD để mở thư tín dụng và nhập khẩu. Lãi suất vay hiện hành 6%/năm (vay bằng USD) và 17,25%/năm (vay bằng VND). Hình thức đảm bảo khoản vay là thế chấp giá trị hàng tồn kho tại kho có giá trị không thấp hơn 1.600.000,00 USD hoặc không thấp hơn 100% tổng dư nợ tại mọi thời điểm theo Hợp đồng thế chấp số VNM 110499 ngày 18 tháng 4 năm 2011.

(c) Số dư khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) - chi nhánh TP. Hồ Chí Minh bao gồm 205.850,73 USD tương đương 4.330.275.956 VND và 2.397.418.828 VND theo thư tiện ích ngân hàng ngày 20 tháng 6 năm 2011 với hạn mức 1.000.000,00 USD để nhập khẩu nguyên vật liệu. Lãi suất hiện hành 4,9%/năm (vay bằng USD) và 16,6%/năm (vay bằng VND). Hình thức đảm bảo tiền vay là thế chấp hàng hóa trong kho với giá trị ít nhất 1.000.000,00 USD.

(d) Xem thuyết minh 5.21.

5.14 Phải trả người bán

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải trả người bán bên thứ ba – trong nước	4.044.538.524	3.255.959.362
Phải trả người bán bên thứ ba – nước ngoài	19.450.617.232	12.932.148.060
	23.495.155.756	16.188.107.422

5.15 Người mua trả tiền trước

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Người mua trả tiền trước – bên thứ ba	80.931.388	955.640.939
	80.931.388	955.640.939

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.16 Thuế

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") đầu vào được khấu trừ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	<u>1.009.746.480</u>	<u>-</u>

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền thuê đất	<u>48.682.500</u>	<u>63.916.875</u>
	<u>48.682.500</u>	<u>63.916.875</u>

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	614.246.554
Thuế nhập khẩu	-	365.932.366
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.825.011.006	2.641.324.079
Thuế thu nhập cá nhân	<u>50.211.797</u>	<u>38.757.366</u>
	<u>7.875.222.803</u>	<u>3.660.260.365</u>

5.17 Phải trả công nhân viên

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Lương phải trả	1.734.630.305	1.419.090.538
Trích trước quỹ lương	<u>8.400.000.000</u>	<u>4.321.250.000</u>
	<u>10.134.630.305</u>	<u>5.740.340.538</u>

5.18 Chi phí phải trả

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí hoa hồng bán hàng	913.357.003	631.394.488
Chi phí khác	<u>73.500.000</u>	<u>60.300.000</u>
	<u>986.857.003</u>	<u>691.694.488</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.19 Phải trả khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Nhận ký quỹ mua hàng	7.666.155.650	11.763.935.683
Cổ tức phải trả	184.371.247	180.612.847
Mượn tiền quỹ công đoàn	510.000.000	200.000.000
Các khoản phải trả khác	50.490.356	54.852.460
	8.411.017.253	12.199.400.990

5.20 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Số dư đầu năm	120.093.780	414.866.012
Trích lập trong năm	2.650.578.466	1.465.820.464
Chi trong năm	(2.158.594.426)	(1.760.592.696)
Số dư cuối năm	612.077.820	120.093.780

Quỹ khen thưởng và phúc lợi của Công ty bao gồm quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty và quỹ khuyến mãi khách hàng.

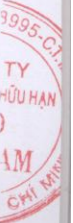
5.21 Vay dài hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay dài hạn	36.027.994.329	31.179.640.245
Nợ dài hạn đến hạn trả	(13.328.434.843)	(5.564.522.340)
	22.699.559.486	25.615.117.905

Đây là số dư các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 1.712.682,75 USD tương đương 36.027.994.329 VND có thời hạn vay theo các hợp đồng từ 48 tháng đến 72 tháng để mua sắm máy móc thiết bị đầu tư các dự án của Công ty với lãi suất từ 3,5%/năm đến 8%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị còn lại của tài sản cố định thế chấp dùng để đảm bảo cho các khoản vay này là 42.719.806.242 VND.

5.22 Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Số dư đầu năm	100.703.001	15.443.692
Trích lập trong năm	229.909.413	199.650.874
Chi trong năm	(169.865.258)	(114.391.565)
Số dư cuối năm	160.747.156	100.703.001



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.23 Vốn chủ sở hữu và các quỹ

5.23.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm 2010							
Số dư tại ngày 01/01/2010	81.976.420.000	24.080.701.449	(317.001.000)	5.720.061.376	3.401.240.948	7.307.818.536	122.169.241.309
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(123.000)	-	-	-	(123.000)
Lãi trong năm	-	-	-	323.887.545	610.758.527	18.470.930.079	18.470.930.079
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	(934.646.072)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.465.820.464)	(1.465.820.464)
Chia cổ tức năm 2009 đợt 2	-	-	-	-	-	(4.907.352.000)	(4.907.352.000)
Chia cổ tức năm 2010 đợt 1	-	-	-	-	-	(3.933.554.400)	(3.933.554.400)
Số dư tại ngày 31/12/2010	81.976.420.000	24.080.701.449	(317.124.000)	6.043.948.921	4.011.999.475	14.537.375.679	130.333.321.524
Năm 2011							
Số dư tại ngày 01/01/2011	81.976.420.000	24.080.701.449	(317.124.000)	6.043.948.921	4.011.999.475	14.537.375.679	130.333.321.524
Phát hành cổ phiếu trong năm	21.418.780.000	-	-	-	-	-	21.418.780.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	1.810.533.109	923.546.504	(2.734.079.613)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.650.578.466)	(2.650.578.466)
Chia cổ tức năm 2010 đợt 2	-	-	-	-	-	(9.152.717.600)	(9.152.717.600)
Chia cổ tức năm 2011 đợt 1	-	-	-	-	-	(4.463.016.000)	(4.463.016.000)
Số dư tại ngày 31/12/2011	103.395.200.000	24.080.701.449	(317.124.000)	7.854.482.030	4.935.545.979	30.025.033.092	169.973.838.550

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.23.2 Vốn chủ sở hữu và các quỹ (tiếp theo)

5.23.2 Vốn đầu tư chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 301671386 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty là 103.395.200.000 VND.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn đầu tư của chủ sở hữu là 103.395.200.000 VND, tăng 21.418.780.000 VND so với thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, trong đó:

- Tăng 16.518.780.000 VND do phát hành thêm 1.651.878 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:3 với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 ngày 10 tháng 4 năm 2010.
- Tăng 4.900.000.000 VND do phát hành thêm 490.000 cổ phiếu cho người lao động hiện đang làm việc tại Công ty với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2011 ngày 18 tháng 9 năm 2011.

5.23.3 Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên tài khóa năm 2010 – 2011 ngày 24 tháng 4 năm 2011, lợi nhuận sau thuế năm 2010 được phân phối như sau:

	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.810.533.109	
Quỹ dự phòng tài chính	923.546.504	
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.847.093.008	
Quỹ khuyến mãi khách hàng	369.418.602	
Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	434.066.856	
Chia cổ tức năm 2010 (16%/ vốn điều lệ), trong đó năm 2010 đã tạm chi đợt 1 là 3.933.554.400 VND	13.086.272.000	
	<u>18.470.930.079</u>	

5.23.4 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	81.976.420.000	81.976.420.000
+ Vốn góp tăng trong năm	21.418.780.000	-
+ Vốn góp cuối năm	103.395.200.000	81.976.420.000
Trừ : Cổ phiếu quỹ (theo mệnh giá)	<u>(187.220.000)</u>	<u>(187.220.000)</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu (cổ phiếu đang lưu hành)	103.207.980.000	81.789.200.000
Đã chi trả cổ tức bằng tiền	13.611.975.200	10.728.268.800

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.23.5 Cổ phiếu phổ thông

	31/12/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	10.651.318	8.197.642
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.339.520	8.197.642
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(18.722)	(18.722)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.320.798	8.178.920
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng	10.000 đồng

5.23.6 Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính 8%/mệnh giá

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu – thành phẩm, hàng hóa	269.068.498.994	187.385.719.286
Doanh thu – gia công	76.219.408.530	57.059.807.328
Doanh thu khác	32.367.682.653	21.643.794.662
Tổng doanh thu	377.655.590.177	266.089.321.276
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(3.388.884.320)	(26.014.011)
Doanh thu thuần	374.266.705.857	266.063.307.265

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn – thành phẩm, hàng hóa	210.564.616.684	158.867.940.964
Giá vốn – gia công	57.323.735.019	43.540.088.736
Giá vốn khác	26.488.052.170	17.356.978.658
Giá vốn hàng bán	294.376.403.873	219.765.008.358

Chi tiết giá vốn theo yếu tố:

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	241.324.663.447	177.412.432.253
Chi phí nhân công	26.461.230.893	18.380.698.973
Chi phí vật liệu	891.506.210	570.548.148
Chi phí dụng cụ sản xuất	9.315.389.407	6.046.358.784
Chi phí khấu hao	12.119.080.847	13.141.903.976
Chi phí dịch vụ mua ngoài	313.361.886	951.136.984
Chi phí bằng tiền khác	3.951.171.183	3.261.929.240
Giá vốn hàng bán	294.376.403.873	219.765.008.358

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	680.185.973	943.717.057
Cổ tức nhận được	174.999.000	40.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	834.171.738	22.657.201
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	728.273	-
	1.690.084.984	1.006.374.258

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí lãi vay	4.622.371.952	2.291.958.954
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.228.623.905	1.647.467.659
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.463.086.941	1.688.378.996
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	326.663.400	95.011.800
	11.640.746.198	5.722.817.409

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Khấu hao tài sản cố định	214.727.504	211.188.993
Vật liệu bao bì, công cụ dụng cụ	4.833.305.417	2.918.587.488
Nhiên liệu	954.547.802	868.779.869
Chi phí hoa hồng	3.347.488.401	2.983.112.449
Chi phí vận chuyển	728.478.820	392.897.288
Chi phí khác	489.797.527	184.200.216
	10.568.345.471	7.558.766.303

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.099.126.566	5.647.601.940
Chi phí vật dụng văn phòng	196.642.400	220.372.949
Khấu hao tài sản cố định	85.880.254	58.673.012
Tiền thuê và tiền thuê đất	1.224.900.000	1.212.665.625
Chi phí dự phòng	189.909.413	158.190.184
Chi phí khác	3.793.947.628	2.614.365.208
	11.590.406.261	9.911.868.918

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU
 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu thanh lý tài sản cố định	213.850.000	33.939.200
Thu bồi thường sắt	461.155.219	419.402.203
Thu bồi thường giải phóng mặt bằng	-	10.909.091
Thu nhập khác	223.676.017	103.952.208
	898.681.236	568.202.702

6.8 Chi phí khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí bồi thường	3.341.600	20.000.000
Chi phí hủy lon hư	2.693.217.590	-
Chi phí khác	-	4.811.022
	2.696.559.190	24.811.022

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	45.983.011.084	24.654.612.215
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Chênh lệch vĩnh viễn		
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	81.602.541	105.250.176
<i>Cổ tức đã nhận được</i>	(174.999.000)	(40.000.000)
Chênh lệch tạm thời		
<i>Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm</i>	(136.971)	11.100.940
<i>Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước</i>	(11.100.940)	(200.349)
<i>Các khoản chi phí trích trước</i>	125.054.117	23.582.864
<i>Hoàn nhập các khoản trích trước vào chi phí đã chi trong năm</i>	(23.582.864)	(19.617.303)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	45.979.847.967	24.734.728.543
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.494.961.992	6.183.682.136

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	34.488.049.092	18.470.930.079
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	34.488.049.092	18.470.930.079
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.433.422 CP	8.178.929 CP
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.656 VND/CP	2.258 VND/CP

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và lương trả cho Ban Giám đốc:

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	481.000.000	257.000.000
Lương trả cho Ban Giám đốc	588.253.731	328.256.461
	<u>1.069.253.731</u>	<u>585.256.461</u>



VÕ NGỌC HUỖNH THƯ
Kế toán trưởng



TRINH HỮU MINH
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2012